

Bản án số 549/2024/HS-PT
Ngày 15/7/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Tự Học;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Cường;

Bà Lê Thị Thúy Bình.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Hà Trang, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Vũ Hồng Điệp, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 15 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 459/2024/TLPT-HS ngày 23 tháng 4 năm 2024 đối với bị cáo Trần Kim Th phạm tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2024/HS-ST ngày 13 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

**** Bị cáo có kháng cáo:***

Trần Kim Th, sinh năm 1970; tại tỉnh Thái Bình; nơi thường trú: Tổ 7, phường Hoàng D, thành phố Thái B, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: số nhà 115, đường Nguyễn Đình Ch, tổ 5, phường Trần L, thành phố Thái B, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp trước khi khởi tố: Giám đốc Bệnh viện Da liễu Thái Bình; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Trọng T và bà Đặng Thị M (đều đã chết); có chồng là Phạm Đức H và có 02 con, con lớn sinh năm 1993, con nhỏ sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: Không; là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 1306-QĐ/ĐUK ngày 22/02/2023 của Đảng ủy khởi các cơ quan tỉnh Thái Bình; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/02/2023 đến ngày 26/6/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 18/8/2023 đến nay; có mặt.

**** Người bào chữa cho bị cáo Trần Kim Th:***

- Luật sư Nguyễn Hoàng S - Văn phòng luật sư Lê H1 và cộng sự, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; địa chỉ: số 53 phố Phương Mai, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội; có mặt.

- Luật sư Nguyễn Khánh T1 và luật sư Nguyễn Đức Ch1 - Văn phòng luật sư Nguyễn Khánh T1 và cộng sự, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; địa chỉ: số nhà 29, ngõ 92 đường Nguyễn Khánh T1, phường Quan H2, quận Cầu Gi, thành phố Hà Nội; có mặt.

*** Các bị cáo không kháng cáo được triệu tập:**

1. Phạm Văn Đ, sinh năm 1978; tại tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: thôn Trung Nghĩa, xã Đông Hòa, thành phố Thái B, tỉnh Thái Bình; có mặt.

2. Nguyễn Thị A, sinh năm 1982; tại tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Thôn 4, xã Vũ Thắng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình; có mặt.

3. Lê Thị B, sinh năm 1974; tại tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: thôn Năng An, xã Vũ Hội, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình; có mặt.

4. Trần Thị Th1, sinh năm 1978; tại tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: thôn Bộ La, xã Vũ Vinh, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình; có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, được triệu tập:**

1. Bệnh viện Da liễu Thái B.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thế B1 - Phó Giám đốc Bệnh viện Da liễu Thái B; có mặt.

2. Bà Trần Thị Phương L1, sinh năm 1960; địa chỉ: số nhà 7, ngõ 44, Lê Đại Hành, phường Kỳ Bá, thành phố Thái B, tỉnh Thái Bình; vắng mặt.

*** Người làm chứng:**

1. Anh Nguyễn Trí D, sinh năm 1981; nơi cư trú: Tổ 7, phường Xuân Phương, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

2. Chị Hà Thị Hải Y, sinh năm 1973; nơi cư trú: Tổ 1, phường Lê Hồng Phong, thành phố Thái B, tỉnh Thái Bình (là Kế toán Bệnh viện Da liễu Thái B); vắng mặt.

3. Chị Nguyễn Thị Ph (H2), sinh năm 1983; nơi cư trú: thôn Công Đồng, xã Vũ Vân, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình (là Thủ quỹ Bệnh viện Da liễu Thái B); có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Chị Trần Kim Th2, sinh năm 1989; nơi cư trú: Tổ 23, phường Trần L, thành phố Thái B, tỉnh Thái Bình (là Trưởng Khoa Dược Bệnh viện Da liễu Thái Bình); có mặt.

5. Anh Đỗ Thành Tr, sinh năm 1987; nơi cư trú: số nhà 75, phố Phạm Huy Quang, tổ 6, phường Trần L, thành phố Thái B, tỉnh Thái Bình; có đơn xin xét xử vắng mặt.

6. Chị Bùi Thị N, sinh năm 1987; nơi cư trú: thôn Bộ La, xã Vũ Vinh, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình; có mặt

7. Chị Đỗ Thị Tr1, sinh năm 1985; nơi cư trú: số nhà 12, phố Phạm Huy Quang, tổ 4, phường Trần L, thành phố Thái B, tỉnh Thái Bình; có đơn xin xét xử vắng mặt.

8. Anh Đào Xuân Tr2, sinh năm 1983; nơi cư trú: thôn Quang Trung, xã Vũ Vân, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bệnh viện Da liễu Thái B (gọi tắt là Bệnh viện) là đơn vị sự nghiệp công lập có trụ sở tại phường Đề Thám, thành phố Thái B, tỉnh Thái Bình. Ngày 31/7/2018, Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình ban hành Quyết định số 1870/QĐ sáp nhập Bệnh viện Da liễu Thái B với Bệnh viện Phong Da liễu Văn Môn, trụ sở tại xã Vũ Vân, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình trực thuộc Sở Y tế tỉnh Thái Bình. Bệnh viện có chức năng cung cấp dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và phục hồi chức năng về chuyên khoa da liễu. Cơ cấu tổ chức và hoạt động của Bệnh viện Da liễu Thái B, gồm: 01 Giám đốc (Trần Kim Th), 02 Phó Giám đốc, 04 phòng và 11 khoa.

Theo quy định tại Thông tư số 15/2011-BYT ngày 19/4/2011 của Bộ Y tế và Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ, quy định: Cơ sở bán lẻ thuốc trong khuôn viên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập chỉ được mua thuốc đã trúng thầu với giá không được cao hơn giá thuốc trúng thầu (trong danh mục thuốc đã trúng thầu của Bộ Y tế); khoản 3 Điều 136 Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ quy định, được phép bán thuốc ra cao hơn giá nhập từ 2% - 15% tùy theo từng loại thuốc; mọi hoạt động mua bán thuốc phải được hạch toán đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Thông tư số 21/2013/TT-BYT ngày 08/8/2013 của Bộ Y tế, quy định: Về tổ chức và hoạt động của Hội đồng thuốc và điều trị trong bệnh viện phải được thành lập ở tất cả các bệnh viện, do Giám đốc Bệnh viện ra quyết định thành lập; Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Bệnh viện phụ trách chuyên môn; Hội đồng thuốc có trách nhiệm xây dựng danh mục thuốc dùng trong bệnh viện. Thông tư số 22/2011/TT-BYT ngày 10/6/2011 của Bộ Y tế về tổ chức và hoạt động của Khoa dược bệnh viện, quy định: Nhiệm vụ của Khoa dược phải lập kế hoạch, cung ứng thuốc bảo đảm đủ số lượng, chất lượng; quản lý hoạt động của Nhà thuốc bệnh viện; theo dõi, kiểm tra, bảo quản thuốc, nhập, xuất thuốc. Thông tư số 15/2011/TT-BYT ngày 19/4/2011 của Bộ Y tế về tổ chức và hoạt động của cơ sở bán lẻ thuốc trong bệnh viện quy định: Danh mục thuốc tại cơ sở bán lẻ thuốc phải đáp ứng danh mục thuốc điều trị cho người bệnh do Hội đồng thuốc và điều trị của bệnh viện công bố.

Bệnh viện Da liễu Thái B có một Kho thuốc và một Nhà thuốc trong Bệnh viện Da liễu trụ sở tại phường Đề Thám, thành phố Thái B (gọi là Nhà thuốc cơ sở 1) và một Quầy thuốc trong Bệnh viện Da liễu tại xã Vũ Vân, huyện Vũ Thư (gọi là Quầy thuốc cơ sở 2). Từ tháng 9/2020 đến tháng 3/2022, Trần Kim Th là Giám đốc Bệnh viện đã tự ý nhập một số loại thuốc về Kho thuốc của Bệnh viện và chỉ đạo nhân viên dưới quyền bán kèm một số loại thuốc cho bệnh nhân có nhu

cầu, không có hoá đơn, chứng từ, không hạch toán tài chính theo quy định tại 02 cơ sở bán thuốc trong Bệnh viện gây thiệt hại cho Bệnh viện Da liễu Thái B **171.534.215 đồng**, cụ thể:

- **Tại Nhà thuốc cơ sở 1:** Trần Kim Th giao cho Phạm Văn Đ và anh Đỗ Thành Tr, nhân viên hợp đồng Khoa cận lâm sàng quản lý Kho thuốc Bệnh viện. Trần Kim Th trực tiếp liên hệ để các công ty cung ứng, cung cấp thuốc cho Bệnh viện dưới hình thức hàng ký gửi, Đ và anh Tr nhận thuốc nhập vào Kho thuốc Bệnh viện. Sau đó, Trần Kim Th chỉ đạo Đ chuyển thuốc đến Nhà thuốc cơ sở 1 và Quầy thuốc cơ sở 2 để bán, trong đó: Một số hóa đơn thuốc có quyết định trúng thầu Th yêu cầu Đ chuyển xuống bộ phận kế toán bản chính để theo dõi, hạch toán, còn Đ chỉ giữ lại các bản hoá đơn phô tô. Khi nhập các loại thuốc vào Kho thì Đ và anh Tr nhập số lượng, loại thuốc vào một bảng Excel trong máy tính của Kho thuốc để theo dõi. Theo chỉ đạo của Th, Đ và anh Tr chuyển thuốc đến Nhà thuốc cơ sở 1 để Nguyễn Thị A bán thuốc cho bệnh nhân. Khi giao nhận thuốc, A lập một quyển sổ, trong đó ghi ngày, tháng, tên thuốc, đơn vị tính, số lượng và yêu cầu Đ, anh Tr ký sổ, nhưng thời gian sau A không yêu cầu Đ, anh Tr ký sổ. Mặc dù tại Nhà thuốc có chị Bùi Thị N, nhân viên thu tiền bán thuốc, nhưng Th chỉ đạo A bán thuốc và thu tiền. Hàng tháng, A lập và chuyển báo cáo số thuốc đã bán và số tiền đã thu được cho Th. Th chỉ đạo A đưa một khoản tiền doanh thu từ việc bán thuốc vào hạch toán cho Bệnh viện nhưng không chỉ đạo cụ thể đưa bao nhiêu tiền. Theo chỉ đạo của Th, A đưa một số tiền lãi (tùy theo từng tháng, nhưng đều ít hơn số tiền lãi thu được từ bán thuốc) cho chị Bùi Thị N để chị N nộp cho Thủ quỹ Bệnh viện, số tiền lãi còn lại A đưa cho Th và yêu cầu Th ký nhận tiền vào một quyển sổ. Từ tháng 4/2021, Th chỉ đạo A giao tiền bán thuốc cho chị Đỗ Thị Tr1, Điều dưỡng viên Khoa chăm sóc thẩm mỹ da Bệnh viện để chị Tr1 giao lại tiền cho Th. Khi giao tiền cho chị Tr1, A yêu cầu chị Tr1 ký vào sổ.

Cuối mỗi tháng, sau khi có doanh số bán thuốc, Th chỉ đạo Đ tổng hợp, lập danh mục tên thuốc, số lượng thuốc bán ra, số tiền thu được và tự cân đối, đưa một phần vào hạch toán cho bệnh viện. Đ gửi danh mục một số thuốc đã bán cho chị N để nhập vào phần mềm bán hàng và lập ra Bảng kê thu tiền bán hàng chi tiết hàng tháng rồi chuyển lại để Đ kiểm tra. Kiểm tra xong, chị N in Bảng kê thu tiền bán hàng hàng tháng và ký vào mục Kế toán bán hàng, A ký vào mục Dược sỹ bán hàng rồi chuyển cho bộ phận Kế toán của Bệnh viện. Trong thời gian trên Đ, A, N không đưa 87.987.401 đồng tiền lãi của 17 loại thuốc nhập vào quỹ Bệnh viện mà giao cho Trần Kim Th.

Thống kê 17 loại thuốc có tiền lãi tại nhà thuốc cơ sở 1:

STT	Tên thuốc	Tổng số tiền lãi thực tế (đồng)	Tổng số tiền lãi được quyết toán (đồng)	Để ngoài sổ sách kế toán (đồng)
1	Pyme Azi 250mg	2.836.200	63.570	2.772.630

2	Deslora	17.333.760	298.960	17.034.800
3	Medrol 16mg	440.400	110.100	330.300
4	Bacterocin oint 5g	5.506.800	2.714.400	2.792.400
5	Eumovate 5g	3.165.118	649.528	2.515.590
6	Fucicort 15g	11.048.400	421.600	10.626.800
7	Fucidin H 15g	5.331.400	176.900	5.154.500
8	Gelacmeigel 15g	2.770.000	1.202.020	1.567.980
9	Medrol 4mg	88.200	44.100	44.100
10	Medskin 800	1.379.000	784.000	595.000
11	Menison 4mg	239.400	190.190	49.210
12	Minoxyl Solution 3%	3.553.000	3.344.000	209.000
13	Sovalimus 0,03%	2.800.280	390.039	2.410.241
14	Sovalimus 0,1%	3.627.000	1.391.000	2.236.000
15	Tacla GSV	354.000	295.000	59.000
16	Assimicin	34.371.000	0	34.371.000
17	Fegra 180mg	5.608.460	389.610	5.218.850
	Tổng cộng:	100.452.418	= 12.465.017	= 87.987.401

- Tại Quầy thuốc cơ sở 2: Phạm Văn Đ và anh Trung chuyển thuốc xuống giao cho Lê Thị B - Phó Trưởng khoa dược, chịu trách nhiệm chuyên môn về dược để triển khai bán thuốc. Th chỉ đạo Trần Thị Th - Phó Trưởng phòng Tài chính kiêm kế toán bán hàng và anh Đào Xuân Tr2 là Dược sĩ chịu trách nhiệm bán thuốc. Số tiền bán thuốc được Th yêu cầu giao cho B để mỗi tháng khoảng 1 đến 2 lần B giao tiền cho Th. Đến cuối hàng tháng B, Thu và anh Tr2 tổng hợp lại số lượng thuốc nhập mới, số thuốc đã bán và số thuốc còn tồn để B và Thu kiểm tra, đối chiếu số lượng thuốc đã bán và số tiền thu được, B lập Bảng thống kê số lượng thuốc đã bán, số tiền thu được trong tháng trực tiếp giao cho Th để Th kiểm tra. Từ tháng 4/2021, Th chỉ đạo B giao tiền bán thuốc được cho chị Đỗ Thị Tr1 để chị Tr1 giao tiền cho Th, khi giao tiền B đều yêu cầu Th hoặc chị Tr1 ký nhận tiền vào sổ của B. Th chỉ đạo B phải làm hồ sơ quyết toán đưa số tiền lãi vào hạch toán ít hơn số tiền đã thu được. Sau đó, B in ra hoặc gửi gmail cho Thu tự in ra, ký vào mục kế toán bán hàng, anh Tr2 ký vào mục Dược sĩ bán hàng rồi chuyển về bộ phận kế toán của Bệnh viện. Chị Hà Thị Hải Y là Kế toán trưởng của Bệnh viện yêu cầu kế toán tổng hợp kiểm tra đối chiếu với hóa đơn do Th chuyển đến, nếu kết quả phù hợp thì hoàn thiện hồ sơ kế toán. Trong thời gian từ tháng 01/2021 đến tháng

12/2021, không giao 83.546.814 đồng tiền lãi của 35 loại thuốc nhập vào quỹ Bệnh viện mà Lê Thị B, Đỗ Thị Tr1 giao cho Trần Kim Th.

STT	Tên thuốc	Tổng số tiền lãi thực tế (đồng)	Tổng số tiền lãi được quyết toán (đồng)	Để ngoài sổ sách kế toán (đồng)
1	Asbesone 30g	1.084.860	111.800	973.060
2	Asosalic 30g	6.104.700	3.531.000	2.573.700
3	Assimicin 500mg	4.026.000	0	4.026.000
4	Bacterocin oint 15g	1.125.180	804.000	321.180
5	Best GSV	425.320	226.800	198.520
6	Citimed 10mg	18.328.000	2.235.600	16.092.400
7	Deslora	6.194.100	44.400	6.149.700
8	Eryne	45.000	8.000	37.000
9	Eumovata 5g	1.309.500	338.074	971.426
10	Fegra 180mg	4.595.000	14.430	4.580.570
11	Fegra 60mg	100.000	58.968	41.032
12	Fucicort 15g	10.761.000	12.400	10.748.600
13	Fucidin H 15g	9.300.000	6.100	9.293.900
14	Gelacmeigel 15g	429.240	196.950	232.290
15	Medskin 800	484.700	143.500	341.200
16	Menison 16mg	3.193.350	632.900	2.560.450
17	Menison 4mg	378.950	11.970	366.980
18	Minoxyl solution 3%	840.650	190.000	650.650
19	Pirolam 20g	2.957.400	2.604.000	353.400
20	Sovalimus 0,03%	1.672.000	20.004	1.654.996
21	Sovalimus 0.1%	2.912.000	117.000	2.795.000
22	Medeol 4mg	565.500	0	565.500
23	Royal GSV 60ml	20.650	0	20.650
24	Fegra 120mg	185.000	0	185.000
25	Tacla GSV	120.000	0	120.000
26	Epidolle	55.000	0	55.000

27	Conipa	1.000.000	0	1.000.000
28	Bequanten 100mg	40.110	0	40.110
29	Betaclo	159.750	0	159.750
30	Betriol	2.280.000	0	2.280.000
31	Noinsel	630.000	0	630.000
32	Pyme Azi 250	7.441.350	0	7.441.350
33	Cyclindox 100mg	3.590.400	0	3.590.400
34	Toduc	2.470.000	0	2.470.000
35	Destacure 60ml	30.000	0	30.000
	Tổng cộng:	94.854.710	11.307.896	83.546.814

Đến khoảng tháng 4/2022, Trần Kim Th yêu cầu Đ, A, B, anh Tr xóa hết các dữ liệu trên các máy tính và thu lại sổ giao tiền bán thuốc của A và chị Tr1. Anh Tr đã xóa một phần dữ liệu trong ổ cứng máy tính và thay ổ cứng khác vào máy tính tại Kho thuốc.

Cáo trạng số 78/CT-VKSTB ngày 16/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình truy tố các bị cáo Trần Kim Th, Phạm Văn Đ, Nguyễn Thị A, Lê Thị B, Trần Thị Th về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” quy định tại khoản 1 Điều 356 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2024/HS-ST ngày 13/3/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Trần Kim Th phạm tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”;

Áp dụng khoản 1, 4 Điều 356, điểm v khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Trần Kim Th 02 (hai) năm tù, thời hạn tù được tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ đi thời gian đã tạm giam từ ngày 21/02/2023 đến ngày 26/6/2023. Cấm bị cáo Trần Kim Th đảm nhiệm chức vụ liên quan đến hành vi phạm tội trong thời hạn 02 (hai) năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo Phạm Văn Đ, Nguyễn Thị A, Lê Thị B, Trần Thị Th; trách nhiệm dân sự; xử lý vật chứng; án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 22/3/2024, bị cáo Trần Kim Th kháng cáo kêu oan.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Trần Kim Th thay đổi nội dung kháng cáo từ kêu oan sang xin giảm hình phạt.

Người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tại cấp phúc thẩm

bị cáo đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, hoàn cảnh gia đình khó khăn, có con trai bị khuyết tật nặng, bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, bị cáo đã khắc phục bồi thường toàn bộ số tiền 151.534.215 đồng theo quyết định của bản án sơ thẩm. Do vậy, nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo Th, cho bị cáo được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi tóm tắt nội dung vụ án, phân tích tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, có quan điểm: Bản án sơ thẩm quy kết bị cáo Trần Kim Th về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Căn cứ vào lời khai của bị cáo, tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã có đầy đủ căn cứ để xác định hành vi phạm tội của bị cáo. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xử bị cáo Trần Kim Th 02 năm tù là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Xét kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Trần Kim Th thấy: Tại phiên tòa hôm nay bị cáo lại đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình và thay đổi nội dung kháng cáo từ kêu oan sang xin giảm hình phạt và xin được hưởng án treo, bị cáo xuất trình thêm các tình tiết giảm nhẹ: có xác nhận của chính quyền địa phương về hoàn cảnh gia đình khó khăn, có con trai bị khuyết tật nặng, bị cáo có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội, bị cáo được tặng nhiều bằng khen, giấy khen, bị cáo đã bồi thường khắc phục toàn bộ số tiền 151.534.215 đồng theo quyết định của bản án sơ thẩm, do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên mức hình phạt nhưng cho bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo Trần Kim Th.

Tại lời nói sau cùng, bị cáo Trần Kim Th mong Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ để cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của bị cáo Trần Kim Th trong hạn luật định, đảm bảo về hình thức, được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về tội danh:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Kim Th thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm quy kết, lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai bị cáo trong quá trình điều tra và phù hợp với lời khai của các bị cáo Phạm Văn Đ, Nguyễn Thị A, Lê Thị B, Trần Thị Thu; lời khai của những người liên quan, người làm chứng; kết luận giám định cùng các tài liệu chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở xác định: Trong thời gian từ tháng 9/2020 đến tháng 3/2022, Trần Kim Th là Giám đốc Bệnh viện Da liễu Thái B đã tự ý nhập một số loại thuốc không đúng quy định,

trực tiếp liên hệ với các công ty cung ứng thuốc chuyển thuốc theo yêu cầu của bị cáo Thuý đến Bệnh viện Da liễu Thái B, không có hoá đơn, chứng từ, không hạch toán theo quy định và bị cáo Th đã chỉ đạo bị cáo Phạm Văn Đ là Phó Trưởng phòng tổng hợp được Thuý phân công phụ trách kho thuốc của bệnh viện trực tiếp nhận thuốc từ các công ty cung ứng thuốc do Thuý liên hệ chuyển đến dưới hình thức nhận hàng ký gửi. Sau đó bị cáo Đ chuyển thuốc cho nhà thuốc cơ sở 1 do bị cáo Nguyễn Thị An và quầy thuốc cơ sở 2 do bị cáo Lê Thị B bán cho khách hàng, việc bán thuốc cũng không có hoá đơn, chứng từ, không hạch toán theo quy định mà các bị cáo Đ, A, B mở sổ theo dõi riêng. Số tiền bán thuốc hàng tháng sau đó các bị cáo A, B và chị Bùi Thị N, chị Đỗ Thị Tr1 trực tiếp giao cho Thuý. Số tiền bán thuốc của hai nhà thuốc thu được bị cáo Thuý chuyển trả các công ty cung ứng thuốc tiền gốc, số tiền lãi từ việc bán thuốc là 171.534.215 đồng, Thuý quản lý và sử dụng không đưa vào quỹ của Bệnh viện để hoạch toán theo quy định mà để ngoài sổ sách, tự ý quyết định việc quản lý, sử dụng, chi tiêu số tiền này. Như vậy, quy trình nhập thuốc, bán thuốc, quản lý, sử dụng tiền bán thuốc đều không được hoạch toán theo quy định đã gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của Bệnh viện da liễu Thái B số tiền 171.534.215 đồng.

Do đó có hành vi nêu trên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình truy tố, xét xử các bị cáo Trần Kim Th, Phạm Văn Đ, Nguyễn Thị A, Lê Thị B, Trần Thị Th về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Phạm Văn Đ, Nguyễn Thị A, Lê Thị B, Trần Thị Th không kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Kim Th thay đổi nội dung kháng cáo từ kêu oan sang xin được hưởng án treo, xét kháng cáo của bị cáo Th, Hội đồng xét xử thấy: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của Bệnh viện da liễu Thái B, làm suy giảm uy tín, mất niềm tin của nhân dân đối với Bệnh viện da liễu Thái B nói riêng và các cơ sở y tế nói chung.

Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét về vai trò, nhân thân của bị cáo Trần Kim Th trong vụ án, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự; quá trình công tác bị cáo được Bộ Y tế tặng bằng khen, Sở Y tế tỉnh Thái Bình tặng giấy khen nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và xử phạt bị cáo Trần Kim Th 02 năm tù là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

Tuy nhiên, tại cấp phúc thẩm bị cáo Trần Kim Th đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như bản án sơ thẩm quy kết và thay đổi kháng cáo từ kêu oan sang xin giảm hình phạt,

đồng thời bị cáo xuất trình các tình tiết giảm nhẹ mới: có xác nhận của chính quyền địa phương về hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo luôn chấp hành tốt chính sách pháp luật của Nhà nước, bị cáo có con trai bị khuyết tật nặng (có xác nhận của chính quyền địa phương); trong quá trình công tác bị cáo nhiều năm được Sở Y tế tỉnh Thái Bình tặng giấy khen và nhiều năm được Bộ Y tế tặng bằng khen, được Hội gia liểu Việt Nam tặng giấy khen, Bộ trưởng Bộ Y tế tặng kỷ niệm chương vì sức khỏe nhân dân; bị cáo đã nộp toàn bộ số tiền 151.534.215 đồng bồi thường cho Bệnh viện da liễu Thái Bình theo quyết định của bản án sơ thẩm; đây là tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại điểm s, b, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự Hội đồng xét xử áp dụng thêm cho bị cáo. Xét bị cáo có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng ổn định, vì vậy có căn cứ áp dụng thêm Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo, Hội đồng xét xử thấy không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà giữ nguyên mức hình phạt nhưng cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung, thể hiện chính sách nhân đạo, khoan hồng của pháp luật, tạo điều kiện cho bị cáo có điều kiện chăm sóc con trai bị khuyết tật nặng đồng thời bị cáo yên tâm cải tạo trở thành người có ích cho xã hội.

Ý kiến của luật sư bào chữa cho bị cáo và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Trần Kim Th không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Kim Th;

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2024/HS-ST ngày 13/3/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình về phần hình phạt đối với bị cáo Trần Kim Th, cụ thể như sau:

Tuyên bố bị cáo Trần Kim Th phạm tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”;

Áp dụng khoản 1, 4 Điều 356, điểm s, b, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 50, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Trần Kim Th 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (bốn) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Cấm bị cáo Trần Kim Th đảm nhiệm chức vụ liên quan đến hành vi phạm tội trong thời hạn 02 (hai) năm kể từ ngày chấp hành xong thời hạn thử thách của án treo.

Giao bị cáo Trần Kim Th cho ủy ban nhân dân phường Hoàng D, thành phố Thái B, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí: Bị cáo Trần Kim Th không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

3. Xác nhận bị cáo Trần Kim Th đã nộp số tiền 151.534.215 đồng (Một trăm năm mươi một triệu năm trăm ba mươi bốn nghìn hai trăm mười lăm đồng) tại Biên lai số 0000347 ngày 12/7/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Công an tỉnh Thái Bình;
- Cục THADS tỉnh Thái Bình;
- Bị cáo (theo đ/c);
- Lưu HS, PHCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô TỰ HỌC